



WORDS TO LEARN



1. apple
táo



2. bag
Cặp sách



3. bear
gấu



4. bee
ong



5. bike
xe đạp



6. bird
chim



7. bus
xe buýt



8. camera
máy ảnh



9. ostrich
đà điểu



10. car
ô tô



11. cow
bò



12. frog
ếch



13. desk
bàn



14. elephant
voi



15. alligator
cá sấu



16. girl
bạn gái



17. insect
côn trùng



18. igloo
lều tuyết



19. school
trường học



20. mouse
Chuột



21. snake
rắn



22. orange
cam



23. piano
đàn piano



24. teacher
giáo viên



25. zoo
Sở thú